VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 64/2020/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020*

THÔNG TƯ
Quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường thủy nội địa của lực lượng Cảnh sát giao thông

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014);

Căn cứ Bộ luật Hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự ngày 20 tháng 6 năm 2017);

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự ngày 26 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật trưng mua, trưng dụng tài sản ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường thủy nội địa của lực lượng Cảnh sát giao thông.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường thuỷ nội địa (sau đây gọi chung là tai nạn giao thông) của lực lượng Cảnh sát đường thủy, Cảnh sát giao thông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công an các đơn vị, địa phương.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông; tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường thủy nội địa (sau đây gọi chung là cán bộ Cảnh sát giao thông).

3. Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân có liên quan.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động điều tra, giải quyết tai nạn giao thông.

Điều 3. Nguyên tắc điều tra, giải quyết tai nạn giao thông

1. Tất cả các vụ tai nạn giao thông xảy ra phải được điều tra, giải quyết nhanh chóng, kịp thời, chính xác, khách quan, toàn diện; các cơ quan, đơn vị tiếp nhận, xử lý tin báo về tai nạn giao thông phải khẩn trương cử cán bộ đến hiện trường để giải quyết theo quy định Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Lực lượng Cảnh sát giao thông phải phối hợp chặt chẽ với các lực lượng khác trong Công an nhân dân khi điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông bảo đảm tập trung, thống nhất theo chỉ đạo của Thủ trưởng Công an các cấp. Cơ quan, đơn vị, cá nhân cấp dưới chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông của cấp trên; cá nhân chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng đơn vị và trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình.

3. Không được lợi dụng, lạm dụng công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Tiêu chuẩn của cán bộ Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông

1. Có trình độ đại học An ninh, đại học Cảnh sát hoặc cử nhân luật trở lên. Trường hợp tốt nghiệp đại học các trường ngoài ngành Công an đã học nghiệp vụ An ninh, Cảnh sát theo quy định.

2. Có thời gian công tác trong lực lượng Cảnh sát giao thông từ 06 tháng trở lên.

3. Đã được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
TỔ CHỨC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ TIN BÁO VÀ GIẢI QUYẾT BAN ĐẦU

Điều 5. Tổ chức tiếp nhận tin báo

1. Các đơn vị Cảnh sát giao thông có trách nhiệm tiếp nhận tin báo:

a) Đội Cảnh sát giao thông; Đội Cảnh sát giao thông, trật tự Công an quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Đội Cảnh sát giao thông Công an cấp huyện);

b) Phòng Cảnh sát giao thông; Phòng Cảnh sát đường thủy Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh);

c) Cục Cảnh sát giao thông.

2. Các cơ quan, đơn vị nói trên phải tổ chức trực ban tiếp nhận đầy đủ các tin báo về tai nạn giao thông đường thủy nội địa. Địa điểm tiếp nhận tin báo về tai nạn giao thông phải đặt ở nơi thuận tiện, có biển ghi tên cơ quan, số điện thoại, có cán bộ, chiến sĩ trực 24/24 giờ và thông báo rộng rãi để mọi người biết.

3. Tiếp nhận tin báo tại trụ sở đơn vị

Cán bộ nhận tin báo về vụ tai nạn giao thông phải hỏi rõ và ghi vào Sổ theo dõi tai nạn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu số 01/TNĐT ban hành theo Thông tư này, các thông tin sau:

a) Họ tên, địa chỉ, số điện thoại của người báo tin (nếu có);

b) Thời gian nhận tin báo, địa điểm xảy ra vụ tai nạn giao thông ghi rõ trên sông, kênh, rạch, đầm, hồ, vụng, vịnh thuộc địa phận thôn (làng, ấp, bản), xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương);

c) Thiệt hại ban đầu về người (số người chết, người mất tích, người bị thương), phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi chung là phương tiện), tài sản, hàng hóa bị hư hỏng, chìm đắm;

d) Thông tin, thiệt hại về phương tiện (ghi rõ số lượng, loại, phương tiện, tên phương tiện, biển số, đặc điểm) công trình giao thông đường thủy và tài sản khác (nếu có);

đ) Họ tên, địa chỉ, số điện thoại của những người liên quan hoặc người biết vụ tai nạn giao thông xảy ra (nếu có);

e) Những thông tin khác về vụ tai nạn giao thông (nếu có);

g) Cán bộ, chiến sĩ sau khi nhận tin báo về vụ tai nạn giao thông phải báo cáo ngay lãnh đạo trực chỉ huy đơn vị để chỉ đạo việc điều tra, giải quyết theo quy định.

4. Cán bộ Cảnh sát giao thông tiếp nhận tin báo khi đang làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trên tuyến, địa bàn:

a) Trực tiếp phát hiện vụ tai nạn giao thông thì phải báo cáo lãnh đạo đơn vị để tiến hành giải quyết theo thẩm quyền, trường hợp không thuộc thẩm quyền thì thông báo cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết và có trách nhiệm phối hợp theo yêu cầu;

b) Nhận được tin báo vụ tai nạn giao thông phải khẩn trương đến hiện trường để xác minh và thực hiện theo quy định tại khoản a Điều này;

c) Việc phát hiện hoặc nhận được tin báo vụ tai nạn giao thông phải ghi vào Sổ kế hoạch và nhật ký tuần tra, kiểm soát đường thủy theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều này (nếu có).

5. Tất cả các vụ tai nạn giao thông phải được thông báo cho Công an cấp huyện nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông để giải quyết theo thẩm quyền hoặc phối hợp khi có yêu cầu.

Điều 6. Xử lý tin báo

1. Lãnh đạo trực chỉ huy thuộc Cục Cảnh sát giao thông, Thủy đoàn nhận được tin báo vụ tai nạn giao thông thì thông báo cho trực ban Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh hoặc đơn vị Cảnh sát đường thủy làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm gần nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông để cử cán bộ đến hiện trường xác minh có xảy ra vụ tai nạn giao thông hay không; trường hợp có vụ tai nạn giao thông xảy ra thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ tai nạn giao thông để chỉ đạo, bố trí lực lượng tham gia, phối hợp cứu hộ, cứu nạn, hạn chế thiệt hại do vụ tai nạn giao thông gây ra; bảo vệ hiện trường, phân luồng điều tiết giao thông tránh gây ùn tắc, đồng thời sử dụng đèn cảnh báo, đèn báo hiệu, phao tiêu báo hiệu nguy hiểm cho các phương tiện tham gia giao thông khác khi lưu thông qua khu vực hiện trường.

2. Lãnh đạo trực chỉ huy Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông thì thực hiện như sau:

a) Nếu tin báo vụ tai nạn giao thông xảy ra trên tuyến đường thủy nội địa được giao nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm thì thực hiện theo khoản 1 Điều này, đồng thời thông báo cho Công an cấp huyện nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông biết hoặc yêu cầu phối hợp điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông theo quy định;

b) Nếu tin báo vụ tai nạn giao thông không xảy ra trên tuyến đường thủy nội địa được giao nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm thì thông báo cho trực ban Công an cấp huyện nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông để xử lý tin báo và thực hiện nhiệm vụ theo quy định thông tư này.

3. Lãnh đạo trực chỉ huy thuộc Công an cấp huyện nhận được tin báo vụ tai nạn giao thông thì xử lý như sau:

a) Cử cán bộ Cảnh sát giao thông đến ngay hiện trường để kiểm tra, xác minh tin báo vụ tai nạn giao thông, nếu có vụ tai nạn giao thông xảy ra thì thực hiện nhiệm vụ điều tra, xác minh, giải quyết theo quy định;

b) Trường hợp vụ tai nạn giao thông xảy ra trên tuyến được giao nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm thuộc Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh thì thông báo cho trực ban của Phòng Cảnh sát giao thông để thực hiện nhiệm vụ điều tra, xác minh, giải quyết theo thẩm quyền hoặc yêu cầu phối hợp điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông theo quy định.

4. Trường hợp vụ tai nạn giao thông có tình tiết phức tạp làm từ 03 người chết hoặc mất tích trở lên; gây ùn tắc giao thông kéo dài liên tuyến, liên địa bàn, liên tỉnh; gây thảm họa hoặc cần thiết phải có sự phối hợp cứu nạn, cứu hộ, điều tiết, giải tỏa ùn tắc giao thông của Công an nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Vụ tai nạn giao thông xảy ra trên tuyến, địa bàn tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm của Công an cấp huyện phải báo cáo ngay Giám đốc Công an cấp tỉnh (qua Phòng Tham mưu và Phòng Cảnh sát giao thông công an cấp tỉnh), đồng thời báo cáo Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để chỉ đạo giải quyết;

b) Vụ tai nạn giao thông xảy ra trên tuyến tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm của Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh phải báo cáo ngay Giám đốc Công an cấp tỉnh (qua Phòng Tham mưu), đồng thời báo cáo Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để chỉ đạo giải quyết.

5. Trường hợp vụ tai nạn giao thông có người điều khiển phương tiện bỏ chạy thì cán bộ Cảnh sát giao thông nhận tin báo phải báo cáo lãnh đạo đơn vị tăng cường cán bộ Cảnh sát giao thông thuộc các đơn vị trên tuyến được giao nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm tham gia phối hợp với Công an cấp huyện nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông để điều tiết giao thông và truy tìm người, phương tiện bỏ chạy.

6. Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện nhận được tin báo vụ tai nạn giao thông theo quy định tại khoản 4 Điều này hoặc vụ tai nạn giao thông liên quan đến người nước ngoài; liên quan đến cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân phải báo cáo vụ việc theo quy định tại Thông tư số 05/2019/TT-BCA ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về chế độ báo cáo trong Công an nhân dân.

7. Trường hợp cán bộ Cảnh sát giao thông khi đến nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông nhưng các bên liên quan đã rời khỏi hiện trường (không còn hiện trường) thì phải lập Biên bản vụ việc hành chính theo mẫu số 02/ĐTTN ban hành theo Thông tư này.

Điều 7. Giải quyết ban đầu vụ tai nạn giao thông do Cảnh sát giao thông đang thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm phát hiện hoặc cán bộ Cảnh sát giao thông được phân công đến hiện trường vụ tai nạn giao thông

Cán bộ Cảnh sát giao thông đang thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm phát hiện hoặc cán bộ Cảnh sát giao thông được lãnh đạo có thẩm quyền phân công đến hiện trường vụ tai nạn giao thông thực hiện những nhiệm vụ sau:

1. Tổ chức cứu nạn, cứu hộ:

a) Quan sát hiện trường phát hiện những mối nguy hiểm như cháy, nổ, chất độc hại, nguy cơ chìm, đắm phương tiện, đe dọa đến tính mạng của người, tài sản còn trên phương tiện hoặc gây ô nhiễm môi trường để báo cáo lãnh đạo đơn vị chỉ đạo phối hợp với các lực lượng khác trong Công an nhân dân theo Điều 14 Thông tư số 62/2020/TT-BCA ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông của lực lượng Công an nhân dân để tổ chức cứu nạn, cứu hộ, hạn chế thiệt hại;

b) Vớt và cấp cứu người bị nạn; kiểm tra số người bị chết, người mất tích, người bị thương, thông báo kịp thời cho cơ sở y tế nơi gần nhất để tổ chức cấp cứu người bị nạn; trường hợp người bị nạn đã chết thì đưa vào vị trí thích hợp,

che đậy lại; có thể huy động phương tiện, người dân có kinh nghiệm trong việc vớt, cấp cứu người bị nạn. Việc huy động người, phương tiện thực hiện theo khoản 6 Điều này;

c) Cứu vớt phương tiện, tài sản, hạn chế thiệt hại xảy ra;

d) Tìm kiếm người mất tích (nếu có);

đ) Trường hợp đến hiện trường mà người có liên quan trong vụ tai nạn giao thông bị thương đã được đưa đi cấp cứu hoặc rời khỏi hiện trường, phải cử cán bộ xác minh nhân thân của nạn nhân, thông qua bác sỹ, nhân viên cơ sở y tế nơi nạn nhân cấp cứu để ghi nhận tình trạng tổn thương cơ thể của nạn nhân;

e) Trường hợp người bị nạn từ chối đi cấp cứu thì cán bộ Cảnh sát giao thông phải lập biên bản ghi nhận việc này, có sự xác nhận của nhân viên y tế (nếu có), người làm chứng;

g) Trường hợp người bị nạn đã chết phải giữ nguyên vị trí và che đậy lại, không di chuyển các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông tại hiện trường;

h) Trường hợp các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông bị hư hỏng, không còn hoạt động được phải thông báo cho các đơn vị có chức năng cứu hộ bố trí phương tiện cẩu, kéo chuyên dụng, phù hợp đến hiện trường để cứu hộ phương tiện vào nơi thích hợp theo yêu cầu của cán bộ làm nhiệm vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông.

2. Bảo vệ hiện trường vụ tai nạn giao thông:

a) Thả phao tiêu khoanh vùng hiện trường vụ tai nạn giao thông;

b) Bảo vệ người, phương tiện, tài sản, hàng hóa liên quan đến vụ tai nạn giao thông;

c) Giữ nguyên vị trí, trạng thái phương tiện, dấu vết, tang vật ở điều kiện cho phép, chú ý phát hiện và ghi nhận những thay đổi đã xảy ra. Trường hợp trục vớt được phương tiện thì tổ chức đưa vào vị trí an toàn và bố trí lực lượng tiến hành bảo vệ phương tiện; nếu không trục vớt được phương tiện thì tiến hành thả phao tiêu cảnh báo nguy hiểm và phối hợp với các lực lượng khác tổ chức bảo vệ hiện trường;

d) Sử dụng đèn cảnh báo, đèn báo hiệu, phao tiêu báo hiệu nguy hiểm để bảo vệ hiện trường, bảo vệ an toàn cho cán bộ khám nghiệm hiện trường;

đ) Bố trí cán bộ và vị trí phương tiện neo đậu hai đầu (thượng lưu và hạ lưu) cách khoảng 500m khu vực hiện trường được khoanh vùng bảo vệ để điều tiết giao thông, cảnh báo người điều khiển phương tiện đi qua khu vực hiện trường giảm tốc

độ, chú ý quan sát không gây nguy hiểm cho lực lượng khám nghiệm hiện trường; trường hợp sử dụng phương tiện của Cảnh sát giao thông thì sử dụng cờ hiệu, bật hệ thống còi, đèn ưu tiên để cảnh báo cho các phương tiện khác biết.

3. Tổ chức điều tiết giao thông không để xảy ra ùn tắc:

a) Trường hợp vụ tai nạn giao thông có thể gây ùn tắc giao thông thì phải phân luồng, điều tiết giao thông đồng thời thông báo cho cơ quan quản lý đường thủy nội địa biết để phối hợp bảo đảm an toàn giao thông;

b) Trường hợp vụ tai nạn giao thông đã gây ùn tắc giao thông phải báo cáo lãnh đạo đơn vị để có phương án tăng cường lực lượng, phương tiện, phân luồng điều tiết giao thông, giải quyết ùn tắc từ xa.

4. Trường hợp người gây tai nạn giao thông điều khiển phương tiện bỏ chạy ngoài việc phải thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này, đồng thời tìm hiểu thông tin chi tiết về đặc điểm, loại phương tiện, màu sơn, biển số của phương tiện, đặc biệt là vị trí của phương tiện, những thiệt hại về phương tiện và hướng phương tiện bỏ chạy. Đối chiếu, xác định những dấu vết hình thành trong quá trình va chạm. Căn cứ đặc điểm phương tiện bỏ chạy, các dấu vết để lại trên phương tiện để tổ chức truy tìm người, phương tiện gây tai nạn giao thông, thông báo cho các đơn vị trên tuyến phối hợp truy bắt.

5. Thu thập thông tin ban đầu:

a) Quan sát để phát hiện, thu thập các dấu vết dễ bị thay đổi hoặc mất; những thay đổi do quá trình cấp cứu, trục vớt phương tiện; những ảnh hưởng dòng chảy, thời tiết thủy văn;

b) Tìm thuyền viên, người lái phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông; người làm chứng, người biết việc để thu thập thông tin về vụ tai nạn giao thông (nếu có thì ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân); kiểm tra, tạm giữ giấy tờ của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, hàng hóa chở trên phương tiện (nếu có) liên quan đến vụ tai nạn giao thông;

c) Sử dụng phương tiện thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được trang cấp cho lực lượng Cảnh sát giao thông để kiểm tra ngay nồng độ cồn hoặc các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng đối với người điều khiển phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông tại hiện trường; hoặc yêu cầu cơ sở y tế kiểm tra nồng độ cồn hoặc chất kích thích mạnh trong máu của người điều khiển phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đang được cấp cứu;

d) Xem xét, thu thập dữ liệu điện tử như: Thiết bị GPS ghi hành trình của phương tiện, thiết bị nhận dạng tàu (AIS), hình ảnh từ camera của cơ quan, tổ chức, cá nhân xung quanh, đi qua khu vực hiện trường trong khoảng thời gian xảy ra tai nạn (nếu có).

6. Huy động, trưng dụng phương tiện:

a) Trong trường hợp cấp bách để đưa người bị nạn đi cấp cứu, truy bắt người phạm tội, người gây tai nạn giao thông bỏ chạy; cứu nạn, cứu hộ, chữa cháy hoặc nhiệm vụ khẩn cấp khác thì thực hiện quyền huy động phương tiện giao thông, phương tiện thông tin, phương tiện khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân và người đang điều khiển, sử dụng phương tiện đó. Việc huy động được thực hiện dưới hình thức đề nghị hoặc yêu cầu;

b) Việc trưng dụng phương tiện giao thông, phương tiện thông tin liên lạc, các phương tiện khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân được thực hiện theo quyết định của người có thẩm quyền và theo điều kiện, trình tự, thủ tục do Luật trưng mua, trưng dụng tài sản, Luật Công an nhân dân quy định.

7. Khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều này:

a) Nếu phát hiện vụ tai nạn giao thông có một trong các dấu hiệu về hậu quả: Có người chết tại hiện trường, chết trên đường đi cấp cứu, đang cấp cứu mà chết, bị mất tích; có người bị thương dập, nát, đứt rời chân, tay, bị mù cả hai mắt, vỡ nền sọ; có từ 03 người bị thương gãy tay, chân trở lên hoặc có căn cứ xác định thiệt hại về tài sản từ 100 triệu đồng trở lên thì thực hiện như sau:

Đối với cán bộ Cảnh sát giao thông Công an cấp huyện, báo cáo Trưởng Công an cấp huyện phân công Cảnh sát điều tra tiếp nhận điều tra, giải quyết;

Đối với cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh, báo cáo Trưởng phòng để chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện có thẩm quyền giải quyết;

b) Trường hợp vụ tai nạn giao thông không thuộc một trong các dấu hiệu quy định tại điểm a khoản này thì phân công cán bộ Cảnh sát giao thông tiến hành điều tra, xác minh, giải quyết theo quy định của Thông tư này.

8. Trong 07 ngày đầu kể từ ngày xảy ra vụ tai nạn giao thông, cán bộ Cảnh sát giao thông được phân công điều tra, xác minh phải thường xuyên kiểm tra thông tin về tình trạng tổn thương cơ thể, đánh giá sơ bộ thiệt hại về tài sản, báo cáo,

đề xuất lãnh đạo đơn vị chỉ đạo phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông để bảo đảm việc giải quyết theo đúng quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan.

Mục 2
NỘI DUNG, BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA, XÁC MINH VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG

Điều 8. Nội dung điều tra, xác minh tình tiết của vụ tai nạn giao thông

1. Khi tiến hành điều tra, xác minh vụ tai nạn giao thông thì cán bộ Cảnh sát giao thông có trách nhiệm xác minh:

a) Có hay không có hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa; diễn biến, nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông;

b) Cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa, lỗi, nhân thân của cá nhân vi phạm;

c) Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ;

d) Tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường thủy gây ra;

đ) Tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt, giải quyết vụ tai nạn giao thông;

e) Bất cập, sơ hở, thiếu sót trong tổ chức giao thông, chất lượng hạ tầng giao thông; quản lý phương tiện, người điều khiển phương tiện giao thông;

g) Trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể trưng cầu giám định. Việc trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định.

2. Cán bộ Cảnh sát giao thông được phân công đến hiện trường tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông, phải lập Biên bản vụ việc hành chính theo mẫu số 02/TNĐT ban hành theo Thông tư này. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập Biên bản vụ việc hành chính, cán bộ Cảnh sát giao thông lập biên bản phải báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền ra Quyết định phân công cán bộ điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông theo mẫu số 03/TNĐT ban hành theo Thông tư này và lập Kế hoạch xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông theo mẫu số 04/TNĐT ban hành theo Thông tư này được lãnh đạo có thẩm quyền

phê duyệt; việc lập Biên bản vi phạm hành chính theo mẫu số 43/BB-VPHC ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền Công an nhân dân (Thông tư số 07/2019/TT-BCA) được tiến hành ngay khi xác định được tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm.

3. Biện pháp điều tra, xác minh tình tiết của vụ tai nạn giao thông được thực hiện theo các điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 và Điều 17 Thông tư này.

Điều 9. Khám nghiệm hiện trường

1. Việc khám nghiệm hiện trường đối với vụ tai nạn giao thông thuộc một trong các dấu hiệu quy định tại điểm a khoản 7 Điều 7 Thông tư này thì thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

2. Việc khám nghiệm hiện trường đối với vụ tai nạn giao thông không có một trong các dấu hiệu quy định tại điểm a khoản 7 Điều 7 Thông tư này thì thực hiện theo khoản 3, 4, 5, 6 và khoản 7 Điều này.

3. Những việc làm trước khi khám nghiệm hiện trường:

a) Tiếp nhận các công việc của bộ phận bảo vệ hiện trường;

b) Xác định phạm vi hiện trường; vị trí nạn nhân, dấu vết, tang vật, phương tiện để lại trên hiện trường. Sử dụng máy camera được trang bị cho Cảnh sát giao thông để ghi hình lại toàn bộ khu vực hiện trường trước khi khám nghiệm;

c) Xác định thành phần khám nghiệm:

Tùy theo tính chất, mức độ của vụ tai nạn giao thông để mời thành phần khám nghiệm cho phù hợp như: Cán bộ kỹ thuật hình sự; Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Công an xã, phường, thị trấn, Đồn, Trạm nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông; đại diện đơn vị đăng kiểm phương tiện giao thông đường thủy nội địa hoặc cá nhân, tổ chức có chuyên môn (liên quan đến việc khám phương tiện thủy nội địa); đại diện đơn vị quản lý đường thủy nội địa; đại diện đơn vị chuyên môn kỹ thuật liên quan đến công trình thủy, công trình vượt sông; người chứng kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông; đại diện cơ sở, doanh nghiệp (người có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực giá, lĩnh vực định giá tài sản) để xác định giá trị thiệt hại ban đầu về tài sản;

d) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên tham gia khám nghiệm;

đ) Chọn phương pháp khám nghiệm; xác định chiều hướng khám nghiệm phù hợp; xác định vật chuẩn trên bờ, dưới nước (điểm làm mốc), vật chuẩn phải có tính bền vững theo thời gian, vị trí, dễ nhận biết, thuận lợi cho việc đo, vẽ sơ đồ hiện trường, xác định tọa độ theo hệ chuẩn quốc gia để định vị vị trí xảy ra tai nạn;

e) Chuẩn bị các phương tiện, thiết bị, công cụ phục vụ cho công tác khám nghiệm hiện trường.

4. Tiến hành khám nghiệm

Khi tiến hành khám nghiệm hiện trường phải lập Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu số 05/TNĐT ban hành theo Thông tư này và vẽ sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu số 06/TNĐT ban hành theo Thông tư này; Sơ đồ hiện trường phải đồng nhất với Biên bản khám nghiệm hiện trường. Việc khám nghiệm hiện trường cụ thể như sau:

a) Quan sát toàn bộ khu vực xảy ra vụ tai nạn giao thông để xác định vị trí nạn nhân, dấu vết, tang vật, phương tiện tại hiện trường vụ tai nạn giao thông;

b) Căn cứ chiều hướng khám nghiệm, điểm làm mốc ở hiện trường để đánh dấu theo số tự nhiên thứ tự vị trí của tất cả các nạn nhân, dấu vết, tang vật, phương tiện và dấu vết có liên quan đến vụ tai nạn giao thông;

c) Chụp ảnh hiện trường bao gồm: Ảnh hiện trường chung, hiện trường từng phần, quay camera (nếu có); chụp ảnh nạn nhân, tang vật, phương tiện, dấu vết có liên quan và phải đặt thước tỷ lệ. Việc chụp ảnh hiện trường phải được lập thành Bản ảnh hiện trường, sắp xếp ảnh theo thứ tự, có chú thích ảnh;

d) Đo và vẽ sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông: Sử dụng thống nhất ký hiệu và đơn vị đo; thể hiện đầy đủ tổ chức giao thông, hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa (trên bờ, mặt nước, công trình vượt sông) nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông; phần chú dẫn phải thể hiện tỷ lệ vẽ, dấu vết, ký hiệu trên sơ đồ hiện trường. Khi đo vẽ hiện trường cần thể hiện hình thái dòng sông, kênh, rạch, đầm, hồ, vụng, vịnh (thẳng, cong, khúc khuỷu, ngã ba…), phương địa lý, hướng dòng chảy, lưu tốc dòng chảy, thủy triều, hướng gió, độ sâu nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông; chiều rộng luồng chạy tàu vị trí xảy ra vụ tai nạn giao thông;

đ) Thu lượm và bảo quản dấu vết, tang vật theo quy định của pháp luật.

5. Lập Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông

Nội dung biên bản khám nghiệm phải ghi thời gian bắt đầu và kết thúc khám nghiệm, địa điểm, thành phần tham gia khám nghiệm; tình trạng hiện trường trước

khi khám nghiệm, điều kiện thời tiết, ánh sáng khi tiến hành khám nghiệm, quá trình khám nghiệm cụ thể như sau:

a) Mô tả hiện trường chung như: Vị trí tai nạn (trong luồng hay ngoài luồng, đơn vị quản lý luồng giao thông) xảy ra trên sông, kênh, rạch, đầm, hồ, vụng, vịnh (thẳng, cong, khúc khuỷu, ngã ba…) tầm nhìn bị che khuất hay không bị che khuất; hướng dòng chảy, lưu tốc dòng chảy, thủy triều, hướng gió, độ sâu; chiều rộng luồng chạy tàu, vị trí xảy ra vụ tai nạn giao thông được xác định tọa độ theo hệ chuẩn quốc gia (thể hiện trên phương địa lý sơ đồ); hướng đi của các phương tiện trước, trong và sau khi xảy ra vụ tai nạn giao thông; vị trí đâm va, chìm đắm của phương tiện, vị trí vật có liên quan và khoảng cách đến các vật chuẩn; hệ thống báo hiệu trên đường thủy (trên bờ và trên mặt nước);

b) Ghi nhận việc đánh số thứ tự vị trí của nạn nhân, tang vật, phương tiện, dấu vết;

c) Ghi nhận việc xác định vật chuẩn trên bờ, dưới nước (điểm làm mốc), chiều hướng khám nghiệm hiện trường;

d) Mô tả vị trí đặc điểm của nạn nhân, dấu vết, phương tiện, tang vật trên hiện trường;

đ) Ghi cụ thể số lượng tang vật, phương tiện, dấu vết đã phát hiện, thu lượm bảo quản và các mẫu so sánh;

e) Ghi nhận quá trình khám nghiệm hiện trường: Sử dụng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trang cấp cho lực lượng Cảnh sát giao thông.

6. Kết thúc khám nghiệm hiện trường:

a) Kiểm tra lại công việc đã thực hiện trong quá trình khám nghiệm;

b) Đánh giá dấu vết và các tài liệu thu thập được tại hiện trường để xác định tính liên quan hoặc cần phải thu thập thêm những dấu vết khác;

c) Thông qua và ký Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông.

7. Sau khi khám nghiệm hiện trường cán bộ Cảnh sát giao thông được phân công điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông phải có Báo cáo kết quả khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu số 07/TNĐT ban hành theo Thông tư này và đề xuất các biện pháp điều tra xác minh, giải quyết tiếp theo.

Điều 10. Tạm giữ, xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn và thuyền viên, người điều khiển phương tiện theo thủ tục hành chính

1. Tạm giữ, xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn liên quan đến vụ tai nạn giao thông theo thủ tục hành chính:

a) Việc tạm giữ và xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn liên quan đến vụ tai nạn giao thông thực hiện theo quy định tại Điều 125, Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Khi tiến hành tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn liên quan đến vụ tai nạn giao thông phải được lập Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 50/BB-TGTVPTGPCC ban hành theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA, ngay tại hiện trường vụ tai nạn hoặc nơi phát hiện. Trong thời hạn 24 giờ cán bộ Cảnh sát giao thông lập Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn phải báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền để ra Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn liên quan đến vụ tai nạn giao thông theo mẫu số 18/QĐ-TGTVPTGPCC ban hành theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA;

c) Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn không quá 07 ngày, kể từ ngày tạm giữ. Trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp cần tiến hành xác minh thì cán bộ Cảnh sát giao thông phải báo cáo đề xuất lãnh đạo có thẩm quyền theo mẫu số 14A/TNĐT ban hành theo Thông tư này để ra Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo mẫu số 19/QĐ-KDTHTGTVPTGPCC ban hành theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA, thời hạn kéo dài tối đa không quá 23 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tạm giữ;

Nếu vụ tai giao thông có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại đoạn 2 khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 mà cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền giải quyết vụ tai nạn giao thông phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản theo mẫu số 14B/TNĐT ban hành theo Thông tư này để xin gia hạn tạm giữ; việc gia hạn phải có Quyết định theo

mẫu số 19/QĐ-KDTHTGTVPTGPCC ban hành theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA, thời hạn gia hạn không quá 30 ngày;

d) Khi trả tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn liên quan đến vụ tai nạn giao thông phải có Quyết định trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn theo mẫu số 20/QĐ-TLTVPTGPCC ban hành theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA, đồng thời lập Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn theo mẫu số 60/BB-TLGTTVPT ban hành theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA;

đ) Sau khi kết thúc khám nghiệm phương tiện, xác định người điều khiển phương tiện không có lỗi và không vi phạm các quy định khác của pháp luật thì phương tiện phải được trả ngay cho chủ sở hữu hoặc người điều khiển phương tiện. Nghiêm cấm việc giữ phương tiện của các bên liên quan đến vụ tai nạn giao thông để làm căn cứ giải quyết bồi thường thiệt hại.

2. Tạm giữ người có liên quan đến vụ tai nạn giao thông theo thủ tục hành chính

Việc tạm giữ người có liên quan đến vụ tai nạn giao thông chỉ được áp dụng trong trường hợp cần ngăn chặn, đình chỉ ngay hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích cho người khác và phải do người có thẩm quyền quy định tại Điều 123 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quyết định.

Điều 11. Khám nghiệm phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn giao thông

1. Thành phần tham gia khám nghiệm phương tiện thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

2. Các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông phải được tiến hành khám nghiệm và lập Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu số 08/TNĐT ban hành theo Thông tư này tại hiện trường hoặc nơi tạm giữ phương tiện ngay sau khi kết thúc khám nghiệm hiện trường. Nếu có nhiều phương tiện thì tiến hành khám nghiệm lần lượt từng phương tiện, mỗi phương tiện lập 01 Biên bản khám nghiệm phương tiện.

3. Kiểm tra toàn bộ giấy tờ của người lái phương tiện, thuyền viên, giấy tờ của phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn giao thông như: Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn, giấy tờ tùy thân (nếu có), đăng ký phương tiện (đối chiếu với biển số, số máy, số đo, kích thước, hình ảnh, chất liệu), giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện

(đối với loại phương tiện quy định phải có), giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của người kinh doanh vận tải trên đường thủy nội địa (nếu có), các loại giấy tờ có liên quan đến điều kiện kinh doanh vận tải của phương tiện và hàng hóa vận chuyển trên phương tiện (nếu có).

4. Khám phương tiện:

a) Đo kích thước chính của phương tiện gồm: Chiều dài lớn nhất, chiều rộng lớn nhất, chiều cao, chiều chìm, chiều cao mạn khô của phương tiện thủy nội địa;

b) Đánh giá kết cấu, tình trạng của thân, vỏ phương tiện gồm: Khung xương, vỏ, boong, ca bin, vách ngăn, hầm hàng, sống lái, sống mũi, sống đáy;

c) Khám hệ thống thiết bị kỹ thuật của phương tiện: Hệ thống động lực, lái, neo, cứu sinh, cứu hỏa, âm, tín hiệu (âm thanh và ánh sáng), cứu sinh, cứu đắm, thiết bị hàng hải (ra đa, thiết bị ghi nhận hành trình (GPS), thiết bị nhận dạng tàu (AIS), hải đồ điện tử (nếu có), van thông sông;

d) Tập trung khám các bộ phận, vị trí có nhiều khả năng là nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông, xác định vị trí đâm va và điểm đâm va đầu tiên trên phương tiện;

đ) Kiểm tra, xem xét tỉ mỉ vị trí, chiều hướng và cơ chế hình thành dấu vết, kích thước những dấu vết để lại trên phương tiện (loại trừ những dấu vết phát sinh trong quá trình cứu chữa, trục vớt phương tiện);

e) Đo, chụp ảnh vị trí, kích thước dấu vết (có đặt thước tỷ lệ); thu lượm dấu vết, vật mang dấu vết, lấy mẫu so sánh (nếu thấy cần thiết), bảo quản theo đúng quy định.

5. Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông phải ghi cụ thể: Giấy tờ, đặc điểm phương tiện; mô tả các dấu vết; ghi nhận thiệt hại, hư hỏng của phương tiện, ghi nhận việc thu giữ mẫu vật, dấu vết và các thiết bị kỹ thuật của phương tiện: hệ thống động lực, lái, neo, cứu hỏa, âm, tín hiệu (âm thanh và ánh sáng), cứu sinh, cứu đắm, thiết bị hàng hải (ra đa, thiết bị ghi nhận hành trình (GPS), thiết bị nhận dạng tàu (AIS), hải đồ điện tử (nếu có); van thông sông để phục vụ công tác giám định.

6. Thông qua và ký biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông.

Điều 12. Khám nghiệm công trình có liên quan đến vụ tai nạn giao thông

1. Thành phần tham gia khám nghiệm công trình thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

2. Tiến hành khám công trình:

a) Đối với cầu:

- Kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản của cầu:

+ Chiều cao tĩnh không của cầu;

+ Bán kính cong của luồng tại nơi xây dựng cầu;

+ Vị trí của cầu với dòng chủ lưu;

+ Trụ chống va của cầu;

+ Khẩu độ cầu (tính từ phần nhô ra mặt trong của 2 trụ cầu);

- Kiểm tra hệ thống báo hiệu:

+ Biển vày cầu;

+ Biển trụ cầu;

+ Phao báo hiệu dẫn luồng vào khoang thông thuyền;

+ Đèn báo hiệu cho phương tiện đi ban đêm và ánh sáng khoang thông thuyền (đối với những vụ gây tai nạn xảy ra vào ban đêm);

- Khám nghiệm, ghi nhận các dấu vết của vụ tai nạn giao thông để lại trên các trụ cầu ở khoang thông thuyền, thành cầu;

b) Đối với các công trình vượt sông trên không:

- Đường dây tải điện, đường dây thông tin liên lạc, các đường ống dẫn trên không, đường dây cáp để đo nước của thủy văn đi trên không;

- Kiểm tra tĩnh không của đường dây bắc qua sông;

- Kiểm tra báo hiệu chỉ dẫn có điện cao thế, báo phía trước có đường dây cao thế vượt qua sông;

- Khám nghiệm, ghi nhận các dấu vết của vụ tai nạn giao thông để lại trên hiện trường.

c) Đối với các công trình ngầm vượt sông:

- Kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật: Vị trí có công trình vượt sông; độ sâu chôn ngầm cần thiết. Đối chiếu với các tiêu chuẩn cho phép khi xây dựng công trình để phát hiện những sai phạm trong thiết kế cũng như khi thi công xây dựng;

- Kiểm tra, xem xét hệ thống báo hiệu, biển báo, đánh dấu vị trí công trình ngầm; các loại biển báo cấm trong phạm vi 200m về thượng lưu và hạ lưu;

- Khám nghiệm, ghi nhận các dấu vết của vụ tai nạn giao thông để lại trên công trình;

d) Đối với cảng, bến thủy nội địa:

- Kiểm tra giấy phép hoạt động cảng, bến thủy nội địa (nếu có); các điều kiện về an toàn cảng, bến thủy nội địa;

- Kiểm tra báo hiệu đường thủy nội địa, trụ neo, cọc neo, mốc thủy chí, mốc đo đạc, phạm vi bảo vệ là 05 mét, kể từ điểm ngoài cùng trở ra mỗi phía của trụ neo, cọc neo, mốc thủy chí, mốc đo đạc;

- Kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật cơ bản của cảng thủy nội địa:

+ Thông số kỹ thuật của hệ thống công trình để phương tiện, tàu biển neo đậu, xếp dỡ hàng hóa, đón trả hành khách và thực hiện dịch vụ hỗ trợ khác;

+ Giới hạn của vùng đất cảng: cầu cảng, kho, bãi, nhà xưởng, trụ sở, cơ sở dịch vụ, hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước, lắp đặt thiết bị và công trình phụ trợ khác;

+ Giới hạn của vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu hạ tải, khu tránh bão;

+ Khám nghiệm ghi nhận các dấu vết của vụ tai nạn giao thông để lại trên công trình hoặc trên hiện trường;

- Kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật bến thủy nội địa:

+ Công trình bến hàng hóa, bến hành khách, bến tổng hợp, bến khách ngang sông, bến chuyên dùng;

+ Phạm vi vùng đất và vùng nước trước bến để phương tiện neo đậu, xếp dỡ hàng hóa, đón trả hành khách và thực hiện dịch vụ hỗ trợ khác;

+ Khám nghiệm ghi nhận các dấu vết của vụ tai nạn giao thông để lại trên công trình hoặc trên hiện trường.

3. Lập biên bản khám công trình liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu số 09/TNĐT ban hành theo Thông tư này.

Điều 13. Ghi lời khai của thuyền viên, người lái phương tiện, người bị nạn, người làm chứng và người biết việc

1. Ghi lời khai của thuyền viên; người lái phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông phải được lập Biên bản ghi lời khai theo mẫu số 10/TNĐT ban hành theo Thông tư này:

a) Tùy theo từng vụ tai nạn giao thông cụ thể mà ghi lời khai của thuyền viên có liên quan như: Thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó, thủy thủ, thợ máy hoặc người lái phương tiện thủy nội địa. Việc ghi lời khai phải làm rõ chức danh, nhiệm vụ của thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; tuyến, luồng, hướng đi, dòng chảy, tốc độ, thời tiết, thủy văn; diễn biến trước, trong và sau khi xảy ra vụ tai nạn giao thông; vị trí xảy ra vụ tai nạn giao thông; các thao tác kỹ thuật, phát âm hiệu, tín hiệu, xử lý tình huống; yêu cầu thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa xác định thiệt hại sức khỏe về người, thiệt hại về tài sản (nếu có), đánh giá nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông, trách nhiệm, đề xuất của họ đối với vụ tai nạn giao thông và viết bản tự khai;

b) Nghiên cứu, phân tích, đánh giá lời khai; nếu lời khai còn mâu thuẫn, chưa rõ hoặc không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập thì phải ghi lời khai bổ sung;

c) Nếu thuyền viên, người điều khiển phương tiện bị thương nặng có thể tử vong thì phải ghi lời khai ngay. Trường hợp họ không khai được thì phải lập biên bản có xác nhận của cơ quan y tế nơi nạn nhân đang điều trị.

2. Ghi lời khai người bị nạn trong vụ tai nạn giao thông:

a) Ghi lời khai người bị nạn trong vụ tai nạn giao thông phải được lập Biên bản ghi lời khai theo mẫu số 10/TNĐT ban hành theo Thông tư này, cụ thể cần làm rõ diễn biến trước, trong và sau khi xảy ra vụ tai nạn giao thông; nhận thức của họ về vụ tai nạn giao thông;

b) Trường hợp nạn nhân bị thương nặng thì chỉ ghi lời khai khi được cán bộ y tế điều trị và người đó đồng ý nhưng cần hỏi ngắn gọn. Nếu nạn nhân có thể tử vong thì phải ghi lời khai ngay. Trường hợp nạn nhân bị thương nặng không thể ghi lời khai được thì lập biên bản về việc đó và có xác nhận của cơ quan y tế nơi nạn nhân đang điều trị.

3. Ghi lời khai người làm chứng, người biết việc

Việc ghi lời khai người làm chứng, người biết việc phải được lập Biên bản ghi lời khai theo mẫu số 10/TNĐT ban hành theo Thông tư này, cần làm rõ:

a) Vị trí của người làm chứng khi vụ tai nạn xảy ra (hướng nhìn, tầm nhìn, khoảng cách của họ đến nơi xảy ra vụ tai nạn); vì sao họ biết về vụ tai nạn giao thông; quan hệ của họ với những người liên quan đến vụ tai nạn giao thông;

b) Yêu cầu người làm chứng trình bày diễn biến vụ tai nạn giao thông mà họ biết được; điều kiện thời tiết, mật độ phương tiện, đặc điểm tuyến, luồng nơi xảy ra vụ tai nạn; đánh giá tình trạng hiện trường vụ tai nạn giao thông;

c) Trường hợp chưa thể ghi lời khai của người làm chứng ngay tại hiện trường thì cán bộ ghi lời khai phải ghi lại thông tin về nơi thường trú, công tác, học tập, số điện thoại liên lạc hoặc thông tin khác có liên quan để xác định người làm chứng, sau đó đến nơi ở, nơi làm việc của người làm chứng hoặc mời người đó đến trụ sở cơ quan Công an để ghi lời khai. Đối với người dưới 18 tuổi, khi ghi lời khai phải mời người giám hộ (cha, mẹ, người đại diện hợp pháp hoặc thầy giáo, cô giáo) của người đó tham dự và ký tên vào Biên bản ghi lời khai theo mẫu số 10/TNĐT ban hành theo Thông tư này.

Điều 14. Giám định chuyên môn

1. Trường hợp cần giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể người bị nạn, định giá thiệt hại về tài sản, giám định dấu vết; giám định chuyên môn kỹ thuật phương tiện, cầu, phà, công trình vượt sông, công trình ngầm, cảng, bến thủy nội địa, tổ chức giao thông, chất lượng công trình giao thông để làm căn cứ giải quyết vụ tai nạn giao thông theo quy định của pháp luật hành chính thì cán bộ Cảnh sát giao thông phải báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền ra Quyết định trưng cầu giám định theo mẫu số 37/QĐ-TCGĐ ban hành theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA để yêu cầu, đề nghị cơ quan có chức năng giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp vụ tai nạn giao thông không có dấu hiệu tội phạm mà người bị nạn từ chối giám định thương tật, định giá tài sản thì cán bộ Cảnh sát giao thông phải lập biên bản ghi rõ lý do từ chối, có xác nhận của họ và người chứng kiến.

Điều 15. Một số hoạt động khác để thu thập tài liệu liên quan đến vụ tai nạn giao thông

Ngoài thực hiện quy định tại các điều 8, 9, 10, 11, 12, 13 và Điều 14 Thông tư này, tùy theo tính chất, mức độ của từng vụ tai nạn giao thông, khi điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông phải tiến hành một số hoạt động sau đây:

1. Xem xét dấu vết trên thân thể người bị nạn:

a) Xem xét dấu vết trên thân thể người bị nạn phải được nạn nhân đồng ý và ghi nhận tỷ mỷ; mô tả cụ thể, chi tiết trong biên bản theo mẫu số 11/TNĐT ban hành theo Thông tư này. Đánh dấu vị trí thương tích vào Sơ đồ vị trí, dấu vết

thương tích trên thân thể người bị nạn theo mẫu số 12/TNĐT ban hành theo Thông tư này, chụp ảnh dấu vết thương tích. Nếu là nạn nhân nữ thì phải cử cán bộ nữ tham gia khám dấu vết thương tích và có người cùng giới chứng kiến;

b) Nếu nạn nhân đi cấp cứu phải thu thập giấy chứng nhận thương tích, hồ sơ bệnh án điều trị thương tích do vụ tai nạn giao thông gây ra hoặc kết quả trưng cầu giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể;

c) Nếu nạn nhân không đi cấp cứu nhưng có đề nghị giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể thì phải thực hiện quy định tại điểm a khoản này và báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền để yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan giám định tiến hành giám định theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp chưa xác định được tung tích nạn nhân, đơn vị thụ lý vụ tai nạn giao thông sử dụng một trong những biện pháp sau để xác định tung tích nạn nhân:

a) Thông qua thông tin của người bị nạn và những người liên quan;

b) Trường hợp nạn nhân bị thương nặng, không thể cung cấp được thông tin thì có thể căn cứ vào biển số, tên phương tiện, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn hoặc giấy tờ có liên quan của nạn nhân;

c) Lăn tay để tra cứu tàng thư;

d) Chụp ảnh nạn nhân, thông báo các đặc điểm nhận dạng trên phương tiện thông tin đại chúng.

3. Trường hợp đã xác định được tung tích nạn nhân, đơn vị thụ lý vụ tai nạn giao thông phải thông báo cho gia đình hoặc cơ quan, đơn vị của nạn nhân.

4. Kiểm tra, xác minh phương tiện, người điều khiển phương tiện và các giấy tờ khác có liên quan:

a) Kiểm tra, xác minh việc vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông (nhất là gây tai nạn giao thông) của phương tiện, người điều khiển phương tiện;

b) Kiểm tra, xác minh giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, chứng chỉ chuyên môn, giấy tờ tùy thân của người điều khiển phương tiện, đăng ký phương tiện, đăng kiểm phương tiện, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, các loại giấy tờ có liên quan đến kinh doanh vận tải của phương tiện, hàng hóa vận chuyển trên phương tiện. Các loại giấy tờ này có bị sửa chữa, tẩy xóa hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp hay không;

c) Việc kiểm tra, xác minh phương tiện, người điều khiển phương tiện; hành khách, hàng hóa vận chuyển, tải trọng trên phương tiện và các giấy tờ

có liên quan phải mời đại diện cơ sở, doanh nghiệp (người có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực giá, lĩnh vực định giá tài sản) để xác định giá trị thiệt hại về tài sản và được lập Biên bản xác minh theo mẫu số 44/BB-XM ban hành theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA.

Điều 16. Dựng lại hiện trường vụ tai nạn giao thông

1. Trong quá trình điều tra, xác minh vụ tai nạn giao thông nếu có căn cứ xác định hiện trường bị xáo trộn, hiện trường giả hoặc xét thấy cần thiết cho việc điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông thì tổ chức dựng lại hiện trường vụ tai nạn giao thông. Việc dựng lại hiện trường phải có kế hoạch, quyết định của người có thẩm quyền.

2. Trước khi dựng lại hiện trường vụ tai nạn giao thông phải chọn thời gian, thời tiết, phương tiện phù hợp như khi xảy ra vụ tai nạn giao thông. Trong quá trình dựng lại hiện trường phải có phương án phòng ngừa thiệt hại và không làm cản trở, ùn tắc giao thông.

3. Nội dung dựng lại hiện trường cần xác định lại vị trí người bị nạn, tang vật, phương tiện, dấu vết để lại ở hiện trường, xem xét lại những tình huống, hành vi và những tình tiết khi xảy ra vụ tai nạn giao thông; đo và vẽ lại sơ đồ hiện trường; chụp ảnh để làm cơ sở so sánh đối chiếu.

4. Kết thúc dựng lại hiện trường vụ tai nạn giao thông phải lập biên bản khám nghiệm hiện trường dựng lại, vẽ sơ đồ hiện trường dựng lại; những người tham gia dựng lại hiện trường ký, ghi rõ họ, tên vào biên bản và sơ đồ.

Điều 17. Xem xét kết quả điều tra, xác minh vụ tai nạn giao thông

Cán bộ Cảnh sát giao thông trong khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại các điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và Điều 16 Thông tư này, xác định:

1. Vụ tai nạn giao thông không có dấu hiệu tội phạm thì báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền ra Thông báo kết quả điều tra xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu số 13/TNĐT ban hành theo Thông tư này. Việc giải quyết vụ tai nạn giao thông được thực hiện theo Điều 19 Thông tư này.

2. Vụ tai nạn giao thông có dấu hiệu tội phạm:

a) Cán bộ Cảnh sát giao thông thuộc Công an cấp huyện phải báo cáo Trưởng Công an cấp huyện chuyển hồ sơ, tài liệu, tang vật, phương tiện vụ tai nạn giao thông cho Đội Điều tra Tổng hợp tiếp nhận điều tra, giải quyết;

b) Cán bộ Cảnh sát giao thông thuộc Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh phải báo cáo, đề xuất Trưởng phòng Cảnh sát giao thông để chỉ đạo việc điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông theo Điều 20 Thông tư này.

3. Trường hợp phát hiện vụ việc do cá nhân, tổ chức có hành vi cố ý gây ra vụ tai nạn giao thông để xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản cho người khác hoặc để che giấu hành vi phạm tội khác thì cán bộ Cảnh sát giao thông phải báo cáo lãnh đạo đơn vị chuyển hồ sơ, tang vật, phương tiện cho Cơ quan Cảnh sát điều tra có thẩm quyền điều tra, giải quyết.

Mục 3
GIẢI QUYẾT VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG

Điều 18. Thời hạn điều tra, xác minh giải quyết vụ tai nạn giao thông

Vụ tai nạn giao thông không có dấu hiệu tội phạm thì thời hạn điều tra, xác minh giải quyết như sau:

1. Nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông thì Cảnh sát giao thông phải tiến hành điều tra, xác minh, giải quyết trong thời hạn 07 ngày; trường hợp vụ tai nạn giao thông có nhiều tình tiết phức tạp cần xác minh thêm thì có thể được kéo dài nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông. Trường hợp phải thông qua giám định chuyên môn hoặc cần phải có thêm thời gian để xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ thì người có thẩm quyền phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày.

2. Kết thúc thời hạn điều tra, xác minh, giải quyết thì lực lượng Cảnh sát giao thông phải ra Thông báo kết quả điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông theo mẫu số 13/TNĐT ban hành theo Thông tư này và tiến hành xử lý theo quy định pháp luật hành chính.

Điều 19. Giải quyết vụ tai nạn giao thông theo thủ tục hành chính

Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu hoạt động điều tra, xác minh, cán bộ Cảnh sát giao thông báo cáo lãnh đạo có thẩm quyền để giải quyết vụ tai nạn giao thông như sau:

1. Mời các bên liên quan hoặc đại diện hợp pháp của họ đến trụ sở đơn vị để thông báo kết quả điều tra, xác minh (kết luận nguyên nhân, diễn biến vụ tai nạn giao thông, xác định lỗi của những người có liên quan trong vụ tai nạn giao thông và hình thức xử lý vi phạm hành chính), đồng thời lập Biên bản giải quyết vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa theo mẫu số 15/TNĐT ban hành theo Thông tư

này. Lập biên bản vi phạm hành chính (nếu có) theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Nếu một trong các bên liên quan đến vụ tai nạn giao thông vắng mặt có lý do chính đáng, thì phải lập Biên bản ghi nhận việc vắng mặt và hẹn thời gian đến giải quyết.

2. Báo cáo người có thẩm quyền ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có).

3. Cho các bên liên quan đến vụ tai nạn giao thông tự giải quyết bồi thường thiệt hại dân sự tại trụ sở cơ quan, đơn vị; trường hợp các bên liên quan trong vụ tai nạn giao thông không tự thỏa thuận giải quyết bồi thường thiệt hại dân sự thì phải lập biên bản đồng thời hướng dẫn các bên liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

4. Sau khi hoàn thành việc điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông, cán bộ Cảnh sát giao thông thụ lý hoàn chỉnh hồ sơ và báo cáo lãnh đạo đơn vị kết thúc việc điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông; thực hiện chế độ thống kê, báo cáo tai nạn giao thông đường thủy nội địa, lưu hồ sơ theo quy định của Bộ Công an và pháp luật có liên quan.

5. Đối với những vụ tai nạn giao thông do cơ quan điều tra thụ lý giải quyết nhưng sau đó lại có ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính chuyển hồ sơ, tang vật, phương tiện cho cơ quan, đơn vị Cảnh sát giao thông để xử lý vi phạm hành chính thì cán bộ Cảnh sát giao thông được giao thụ lý phải báo cáo người có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và thực hiện quy định tại khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này.

6. Kết thúc việc điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông, cơ quan, đơn vị thụ lý vụ tai nạn giao thông nếu phát hiện những tồn tại, bất cập, thiếu sót trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hạ tầng giao thông, tổ chức giao thông, việc quản lý người điều khiển phương tiện, quản lý phương tiện thì có văn bản kiến nghị với cơ quan quản lý, ngành chủ quản để có biện pháp khắc phục.

Điều 20. Giải quyết vụ tai nạn giao thông phát hiện có dấu hiệu tội phạm theo chức năng của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

1. Quá trình thực hiện việc điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm, cán bộ được phân công điều tra, giải quyết tai

nạn giao thông thuộc Phòng Cảnh sát giao thông báo cáo Trưởng phòng để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn điều tra theo Điều 38 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 và Điều 40 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015.

2. Hồ sơ vụ tai nạn giao thông chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra:

a) Một số tài liệu dùng cho cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra được ban hành theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu, giấy tờ sổ sách về điều tra hình sự (Thông tư số 61/2017/TT-BCA);

b) Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông; Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông; Bản ảnh hiện trường; thiết bị lưu trữ hình ảnh;

c) Biên bản khám nghiệm phương tiện; Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện; Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện; các giấy tờ của người điều khiển phương tiện, phương tiện và hàng hóa trên phương tiện;

d) Biên bản ghi lời khai của những người có liên quan trong vụ tai nạn giao thông gồm: Biên bản ghi lời khai của thuyền viên, người lái phương tiện; Biên bản ghi lời khai người bị nạn; Biên bản ghi lời khai người làm chứng, người biết việc;

đ) Biên bản ghi nhận dấu vết trên thân thể người bị nạn, Sơ đồ vị trí dấu vết thương tích trên cơ thể người bị nạn, biên bản về việc dựng lại hiện trường vụ tai nạn giao thông;

e) Tang vật, phương tiện, dấu vết liên quan đến vụ tai nạn;

g) Biên bản giao, nhận hồ sơ vụ án theo mẫu số 219 ban hành theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA.

Điều 21. Hồ sơ cung cấp cho doanh nghiệp bảo hiểm

1. Khi doanh nghiệp bảo hiểm có công văn đề nghị hoặc giấy giới thiệu để giải quyết cho các bên liên quan đến vụ tai nạn giao thông tham gia bảo hiểm thì căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thụ lý điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông có trách nhiệm cung cấp tài liệu (bản phô tô, đóng dấu sao y bản chính có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị) theo quy định của pháp luật.

2. Việc cung cấp tài liệu cho doanh nghiệp bảo hiểm phải được ghi vào mục chú ý trong Sổ theo dõi vụ tai nạn giao thông theo mẫu số 01/TNĐT ban hành theo

Thông tư này và có Phiếu cung cấp tài liệu cho doanh nghiệp bảo hiểm theo mẫu số 16/TNĐT ban hành theo Thông tư này.

Điều 22. Cập nhật thông tin các vụ tai nạn vào hệ thống Cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông

1. Cảnh sát giao thông phải ghi nhận tất cả các vụ tai nạn giao thông xảy ra trên tuyến, địa bàn được giao nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm vào Sổ theo dõi tai nạn giao thông và cập nhật thông tin vụ tai nạn giao thông vào hệ thống Cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông như sau:

a) Trong vòng 12 giờ, phải cập nhật ngay những thông tin ban đầu về vụ tai nạn giao thông vào hệ thống Cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông gồm: Thời gian, địa điểm xảy ra vụ tai nạn giao thông; số người chết, mất tích; số người bị thương;

b) Trong quá trình điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông, cán bộ Cảnh sát giao thông tiếp tục chỉnh sửa, cập nhật thêm các thông tin về phương tiện liên quan trong vụ tai nạn giao thông như: Số đăng ký, loại phương tiện, biển số, trọng tải; chủ phương tiện, năm sinh, địa chỉ, số điện thoại (nếu có); hướng chuyển động trước tai nạn, điều kiện an toàn kỹ thuật, thiệt hại, tình trạng của phương tiện; thông tin về thuyền viên, người lái phương tiện và người bị nạn: họ và tên, ngày sinh, giới tính, quốc tịch, nghề nghiệp, địa chỉ, số giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, thời hạn sử dụng, hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, tình trạng thương tật, sử dụng rượu, bia, chất ma túy, chất kích thích mạnh khác mà pháp luật cấm; các thông tin khác liên quan trong vụ tai nạn giao thông;

c) Đối với Công an cấp huyện chưa được triển khai hệ thống Cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông phải gửi đầy đủ thông tin vụ tai nạn giao thông bằng văn bản về Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh để cập nhật vào hệ thống Cơ sở dữ liệu. Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh có trách nhiệm đôn đốc Công an cấp huyện cung cấp đầy đủ thông tin vụ tai nạn giao thông để nhập vào hệ thống Cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông.

2. Khi đã nhập đầy đủ thông tin trong vụ tai nạn giao thông, cán bộ Cảnh sát giao thông gửi yêu cầu duyệt hoàn thành. Lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét, kiểm duyệt những thông tin đã cập nhật để duyệt hoàn thành hồ sơ vụ tai nạn giao thông trong hệ thống Cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông hoặc không duyệt, yêu cầu cán bộ, chiến sĩ chỉnh sửa lại thông tin cho chính xác so với hồ sơ, tài liệu thu thập trong quá trình điều tra, xác minh giải quyết vụ tai nạn giao thông.

3. Đối với vụ tai nạn giao thông xảy ra trên tuyến, địa bàn của cơ quan, đơn vị Cảnh sát giao thông được giao nhiệm vụ tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm, nhưng do Cơ quan Cảnh sát điều tra thụ lý điều tra, giải quyết thì cơ quan, đơn vị Cảnh sát giao thông phụ trách tuyến, địa bàn có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Cảnh sát điều tra từ khi khám nghiệm hiện trường cho đến khi kết thúc điều tra; tiếp nhận kết quả điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông của Cơ quan Cảnh sát điều tra (thông tin về các phương tiện liên quan, thông tin của thuyền viên có liên quan trong vụ tai nạn giao thông: thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó, thủy thủ, thợ máy hoặc người lái phương tiện thủy nội địa; người bị nạn; người làm chứng, người biết việc; Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, Bản kết luận điều tra hoặc một số tài liệu liên quan khác để cập nhật thông tin đầy đủ vào hệ thống Cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông.

4. Hồ sơ vụ tai nạn giao thông trong hệ thống Cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông còn sai sót về thông tin, muốn xóa hoặc mở khóa (đối với những hồ sơ đã duyệt hoàn thành), cán bộ Cảnh sát giao thông báo cáo Lãnh đạo cơ quan, đơn vị gửi yêu cầu xóa hoặc mở khóa tới Cục Cảnh sát giao thông để xem xét xóa hoặc mở khóa.

5. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày kết thúc điều tra xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông, các cơ quan, đơn vị phải hoàn thành việc cập nhật đầy đủ thông tin vụ tai nạn vào hệ thống Cơ sở dữ liệu tai nạn giao thông.

Điều 23. Kiểm tra công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông

Việc kiểm tra công tác điều tra, giải quyết tai nạn giao thông được thực hiện theo Thông tư này và Thông tư số 28/2019/TT-BCA ngày 20/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về kiểm tra công tác trong Công an nhân dân.

Điều 24. Các biểu mẫu, ký hiệu trong sơ đồ hiện trường sử dụng trong công tác điều tra, xác minh, giải quyết tai nạn giao thông

1. Phòng Cảnh sát giao thông Công an cấp tỉnh trong quá trình điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông nếu phát hiện vụ tai nạn có dấu hiệu tội phạm thì sử dụng một số biểu mẫu quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BCA, gồm:

a) Quyết định phân công cho cấp phó, cán bộ điều tra trong việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự (Mẫu số 91)

b) Quyết định thay đổi cấp phó trong việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự (Mẫu số 92)

c) Quyết định thay đổi cán bộ điều tra tiến hành điều tra vụ án hình sự (Mẫu số 93);

d) Quyết định thay đổi quyết định/lệnh của cấp phó trong việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự (Mẫu số 94);

đ) Quyết định hủy bỏ quyết định/lệnh của cấp phó trong việc khởi tố, điều tra vụ án hình sự (Mẫu số 95);

e) Quyết định ủy quyền cho cấp phó khi cấp trưởng vắng mặt (Mẫu số 96);

g) Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Mẫu số 97);

h) Biên bản giao, nhận hồ sơ vụ án (Mẫu số 219).

2. Điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông theo thủ tục hành chính thì áp dụng một số biểu mẫu được quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BCA, gồm:

a) Quyết định giao quyền xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu số 30/QĐ-GQXP);

b) Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính (Mẫu số 44/BB-XM);

c) Biên bản vi phạm hành chính (Mẫu số 43/BB-VPHC);

d) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Mẫu 02/QĐ-XPHC);

đ) Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (Mẫu số 50/BB-TGTVPTGPCC);

e) Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (Mẫu số 18/QĐ-TGTVPTGPCC);

g) Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (Mẫu số 19/QĐ-KDTHTGTVPTGPCC);

h) Quyết định trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (Mẫu số 20/QĐ-TLTVPTGPCC);

i) Biên bản trả lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp (Mẫu số 60/BB-TLGTTVPT);

k) Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính (Mẫu số 15/QĐ-TGN);

l) Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính (Mẫu số 16/QĐ-KDTHTGN);

m) Quyết định trưng cầu giám định (Mẫu số 37/QĐ-TCGĐ).

3. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu:

a) Sổ theo dõi tai nạn giao thông đường thủy nội địa (Mẫu số 01/TNĐT);

b) Biên bản vụ việc hành chính (Mẫu số 02/TNĐT);

c) Kế hoạch xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông (Mẫu số 03/TNĐT);

d) Quyết định phân công cán bộ xác minh, giải quyết vụ tai nạn (Mẫu số 04/TNĐT);

đ) Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa (Mẫu số 05/TNĐT);

e) Sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa (Mẫu số 06/TNĐT);

h) Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa (Mẫu số 08/TNĐT);

i) Biên bản khám công trình liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa (Mẫu số 09/TNĐT);

k) Biên bản ghi lời khai (Mẫu số 10/TNĐT);

l) Biên bản ghi nhận dấu vết trên thân thể người bị nạn (Mẫu số 11/TNĐT);

m) Sơ đồ vị trí, dấu vết thương tích trên thân thể người bị nạn (Mẫu số 12/TNĐT);

n) Thông báo kết quả điều tra xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa (Mẫu số 13/TNĐT);

o) Báo cáo đề xuất giải quyết vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa (Mẫu số 14A/TNĐT);

p) Báo cáo đề xuất giải gia hạn tạm giữ phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa (Mẫu số 14B/TNĐT);

q) Biên bản giải quyết vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa (Mẫu số 15/TNĐT);

r) Phiếu cung cấp tài liệu (những tài liệu có trong hồ sơ vụ tai nạn giao thông) cho doanh nghiệp bảo hiểm (Mẫu số 16/TNĐT).

Mục 4
MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CỤ THỂ TRONG ĐIỀU TRA, GIẢI QUYẾT TAI NẠN GIAO THÔNG

Điều 25. Trường hợp tai nạn giao thông liên quan đến người và phương tiện thủy nội địa của nước ngoài

1. Khi xảy ra vụ tai nạn giao thông liên quan đến người và phương tiện thủy nội địa của nước ngoài thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan Công an khi tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh, giải quyết ban đầu vụ tai nạn giao thông theo quy định của pháp luật, của Thông tư này phải xác định tư cách pháp lý của người nước ngoài, quy chế pháp lý của phương tiện gây tai nạn, người bị nạn và tổn hại về sức khỏe hoặc gây thiệt hại về tài sản cho người khác thì có quyền yêu cầu người gây tai nạn phải xuất trình các giấy tờ tùy thân cần thiết và yêu cầu họ ký vào các biên bản điều tra tại hiện trường, trường hợp họ không ký thì ghi vào biên bản và có người chứng kiến; đồng thời tiếp tục tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh, giải quyết vụ tai nạn giao thông:

a) Người có thân phận ngoại giao được quy định tại Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thì việc tiếp nhận lời khai của họ với tư cách là nhân chứng chỉ được tiến hành với sự đồng ý rõ ràng của người đó. Nếu những yêu cầu nói trên bị từ chối thì cũng phải ghi rõ vào biên bản;

b) Đối với người nước ngoài không có thân phận ngoại giao (chuyên gia, các nhà kinh doanh, học sinh, thực tập sinh, khách du lịch tại Việt Nam, người nước ngoài tham gia hoạt động khác trên lãnh thổ Việt Nam) có liên quan đến vụ tai nạn giao thông thì việc điều tra, giải quyết như đối với công dân Việt Nam. Tuy nhiên, nếu thuộc trường hợp tạm giữ người thì phải báo cáo người có thẩm quyền quyết định tạm giữ theo quy định tại Điều 123 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 để trao đổi với cơ quan ngoại vụ thống nhất giải quyết;

Việc xác minh lời khai người nước ngoài được tiến hành theo các thủ tục thông thường tại trụ sở cơ quan Công an. Người nước ngoài có thể tự chọn phiên dịch hoặc Cơ quan Công an có thể mời người phiên dịch. Trong trường hợp viên chức ngoại giao hoặc Lãnh sự chấp thuận làm nhân chứng thì việc tiếp nhận bản khai hoặc xác minh lời khai của họ có thể được tiến hành tại nơi thuận tiện cho họ và họ đồng ý.

Điều 26. Tai nạn giao thông liên quan đến người, phương tiện của Quân đội nhân dân

1. Đối với vụ tai nạn giao thông xác định được ngay không có dấu hiệu tội phạm, liên quan đến người, phương tiện của Quân đội nhân dân thì lực lượng Cảnh sát giao thông điều tra, giải quyết, đồng thời phối hợp với đơn vị quản lý người và phương tiện quân đội liên quan đến vụ tai nạn giao thông để xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan.

2. Đối với những vụ tai nạn giao thông qua công tác điều tra, xác minh ban đầu mà xác định có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì lực lượng Cảnh sát giao thông bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu, phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn giao thông cho Cơ quan điều tra hình sự Quân đội nhân dân có thẩm quyền để giải quyết và sao lưu hồ sơ để theo dõi. Sau khi bàn giao cho Cơ quan điều tra hình sự của Quân đội nhân dân, lực lượng Cảnh sát giao thông có trách nhiệm tiếp tục phối hợp theo đề nghị của Cơ quan điều tra hình sự Quân đội nhân dân.

Điều 27. Tai nạn cháy, nổ phương tiện giao thông đường thủy nội địa

Khi các phương tiện giao thông bị cháy, nổ thì Cảnh sát giao thông phải thông báo ngay cho Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ nơi xảy ra tai nạn giao thông đến giải quyết; đồng thời, tổ chức phân luồng giao thông, cấm người và phương tiện đi vào khu vực có cháy, nổ. Cảnh sát giao thông có trách nhiệm phối hợp và giữ gìn trật tự giao thông ở khu vực hiện trường vụ tai nạn giao thông.

Điều 28. Đối với vụ tai nạn giao thông liên quan trực tiếp đến phương tiện chở hàng nguy hiểm

Khi xảy ra vụ tai nạn giao thông mà phương tiện tham gia giao thông vận chuyển hàng nguy hiểm thì Cảnh sát giao thông phải phối hợp với cơ quan chuyên môn và tiến hành phong tỏa khu vực xảy ra tai nạn giao thông và sử dụng đèn cảnh báo, đèn báo hiệu, cờ hiệu để cảnh báo cho các phương tiện khác biết và cấm các phương tiện đi vào. Đồng thời, báo cáo ngay Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, thông báo cơ quan chức năng phối hợp giải quyết.

Điều 29. Đối với những vụ tai nạn giao thông xảy ra ở địa bàn giáp ranh

Nếu vụ tai nạn giao thông thuộc một trong các dấu hiệu quy định tại điểm a khoản 7 Điều 7 Thông tư này thì thông báo cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông tiến hành điều tra, giải quyết.

Trường hợp vụ tai nạn giao thông không thuộc một trong các dấu hiệu quy định tại điểm a khoản 7 Điều 7 Thông tư này thì cơ quan Công an nhận được tin báo vụ tai nạn giao thông phân công cán bộ Cảnh sát giao thông tiến hành điều tra, xác minh, giải quyết theo quy định của Thông tư này. Trong quá trình điều tra, xác minh, giải quyết nếu xác định vụ tai nạn giao thông không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì bàn giao cho Công an cấp huyện nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông (nếu xác định thuộc địa bàn quản lý).

Điều 30. Đối với vụ tai nạn giao thông có xảy ra gây rối trật tự công cộng

1. Trường hợp vụ tai nạn giao thông có thân nhân của người bị nạn hoặc những phần tử quá khích đòi yêu sách, hành hung người gây tai nạn, có hành vi làm cản trở giao thông ở mức độ chưa nghiêm trọng thì chủ động giải thích, phân hóa đối tượng, giải tán đám đông không để xảy ra phức tạp.

2. Trường hợp xảy ra các hành vi gây rối nghiêm trọng thì phải tìm mọi cách báo cáo lãnh đạo đơn vị đề nghị chính quyền và các lực lượng khác của địa phương tăng cường hỗ trợ; đồng thời bảo vệ hiện trường, phương tiện và người điều khiển phương tiện; bảo toàn lực lượng và tiếp tục nắm tình hình phục vụ cho công tác điều tra, xác minh, giải quyết.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 73/2012/TT-BCA ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường thủy nội địa của lực lượng Cảnh sát đường thủy.

3. Đối với những vụ tai nạn giao thông xảy ra trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 73/2012/TT-BCA.

Điều 32. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thi hành Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm

CÁC KÝ HIỆU TRONG SƠ ĐỒ HIỆN TRƯỜNG VỤ TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 64/2020/TT-BCA ngày 19/6/2020)

I. Hướng

1. Phương:

2. Hướng:

3. Hướng gió:

4. Hướng dòng chảy:

5. Dòng xoáy:

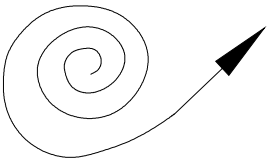

6. Hướng thủy triều lên

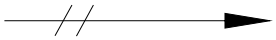

7. Hướng thủy triều xuống

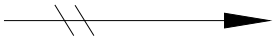

8. Người:

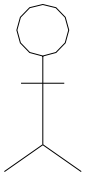

II. Công trình, chướng ngại vật

1. Nhà:

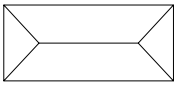

2. Cột điện hoặc công trình vượt sông:

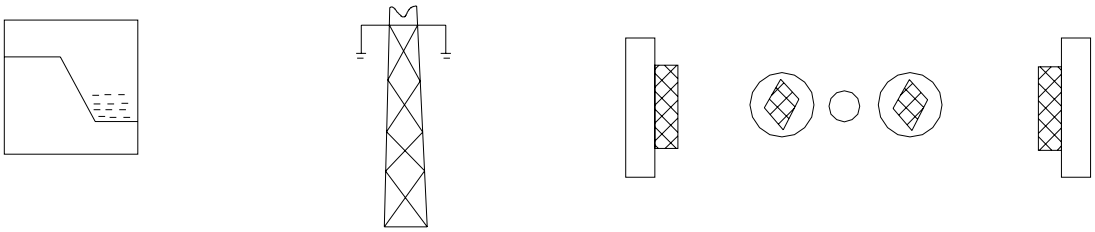

Công trình ngầm Cột điện Cầu

3. Mặt nước:

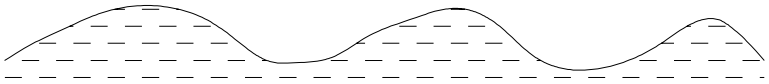

4. Bờ đất:

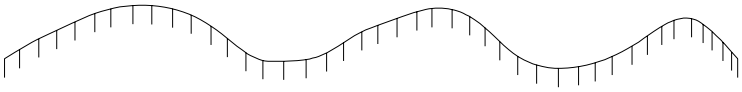

5. Kè:

6. Bờ dốc:

7. Bãi bồi:

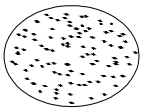

8. Bến phà, bến đò:

9. Phao báo hiệu trên bờ:

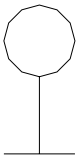

10. Phao báo hiệu dưới nước:

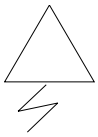

11. Cầu tàu:

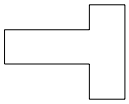

12. Cầu nổi (pontong):

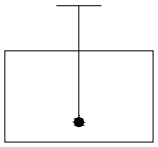

13. Chướng ngại vật ngầm dưới mặt nước:

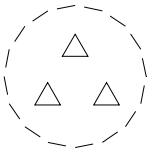

14. Chướng ngại vật trên mặt nước:

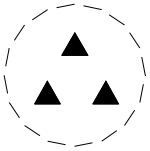

15. Cây

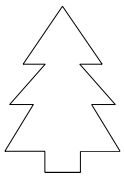

III. Phương tiện

1. Tàu đang thả neo:

2. Tàu có chân vịt tiến, lùi

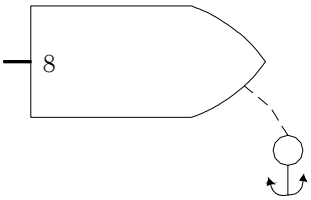

Hướng mũi tên để chỉ phương tiện đang ở vị trí tiến hoặc lùi; chữ số dùng trong ký hiệu chỉ số lượng chân vịt của phương tiện

- Tàu có 3 chân vịt tiến

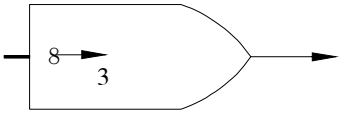

- Tàu có 2 chân vịt lùi

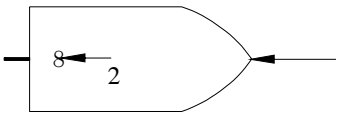

- Tàu có 3 chân vịt : 2 tiến, 1 lùi

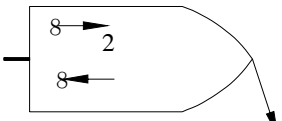

3. Tàu có chân vịt ở phía mũi

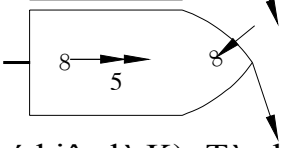

4. Tàu tự hành.

Nếu là phà (ký hiệu là P): Tàu khách (ký hiệu là K); Tàu hàng (ký hiệu là H).

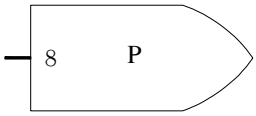

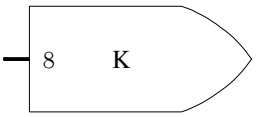

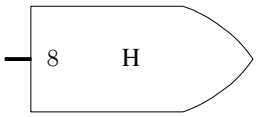

5. Tàu kéo

Chữ số dùng trong ký hiệu chỉ số tầm sà lan bị kéo

- Tàu kéo đoàn phương tiện kiểu hàng 1 (3 tầm sà lan).

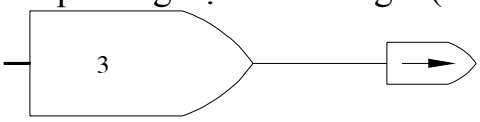

- Tàu kéo đoàn phương tiện kiểu hàng đôi (2 tầm sà lan).

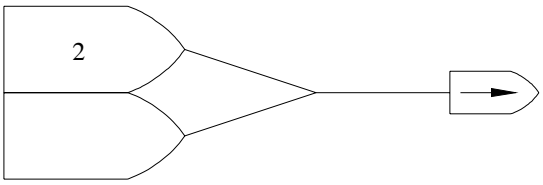

- Tàu kéo đoàn sà lan hàng đơn và hàng đôi (1 tầm đơn, 2 tầm đôi).

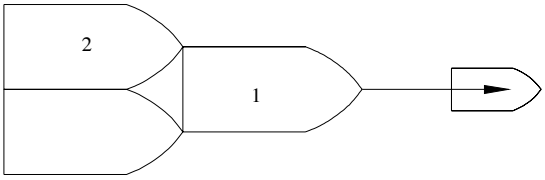

6. Tàu đẩy: Số được đánh dấu trên sà lan để nhận biết tàu đẩy bao nhiêu sà lan.

- Tàu đẩy đoàn sà lan hàng 1:

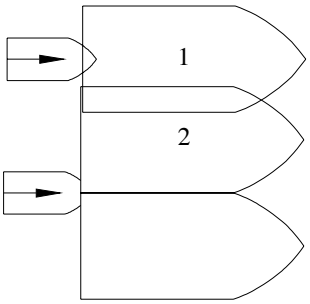

- Tàu đẩy đoàn sà lan hàng đôi:

7. Tàu lai áp mạn

Lai phà (ký hiệu là P), lai hàng (ký hiệu là H)

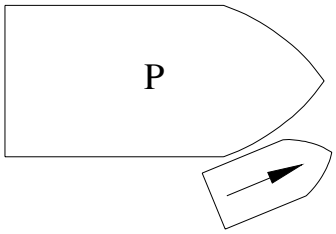

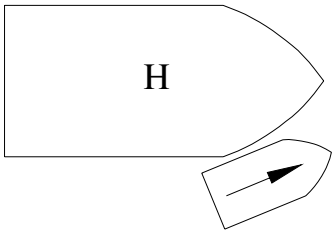

8. Thuyền buồm:

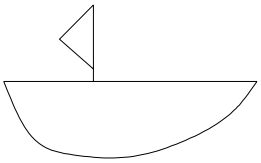

9. Đò, xuồng, thuyền

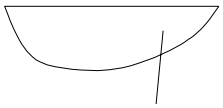

Gắn máy

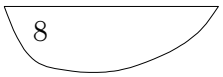

Chèo tay
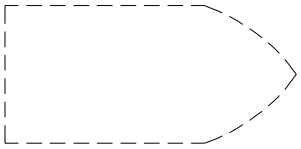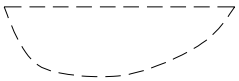
10. Tàu, thuyền chìm: